

BẢN TIN

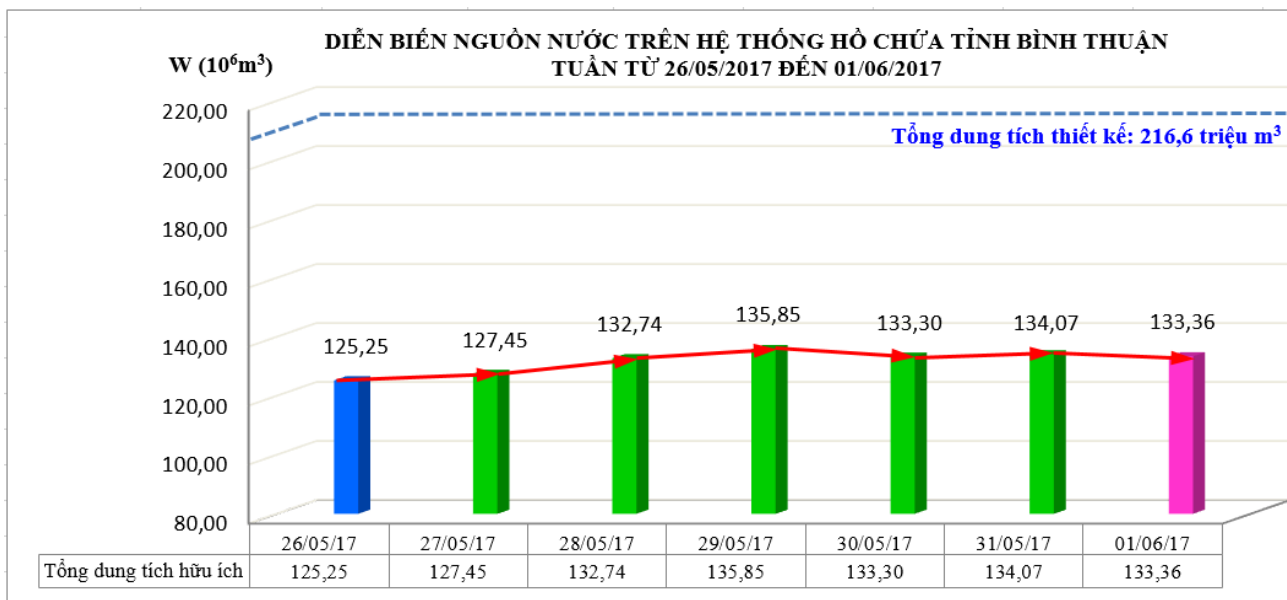
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017

(Tuần từ 02/06/2017 đến 08/06/2017)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 26/05/2017 – 01/06/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 26/05/2017 đến 01/06/2017 được trình bày tại Hình 1. Kết quả cho thấy tổng lượng nước trong các hồ, đập trong tuần nhìn chung có xu hướng tăng. Do đầu tuần qua có mưa vừa và lớn ở một số khu vực ngoài tỉnh cũng như trong tỉnh nên lượng nước đổ về bổ sung khiến tổng dung tích các hồ tăng mạnh, sau đó giảm nhẹ về cuối tuần. Tổng lượng tăng của tuần qua là 8,11 triệu m³, trong khi đó mức tăng bình quân là 1,35 triệu m³/ngày, cao hơn so với tuần trước (với mức tăng bình quân 0,6 triệu m³/ngày).



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 26/05-01/06/2017

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 01/06/2017

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 01/06/2017 tổng dung tích của 16 hồ, đập lớn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 133,36 triệu m³, đạt 61,58 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích

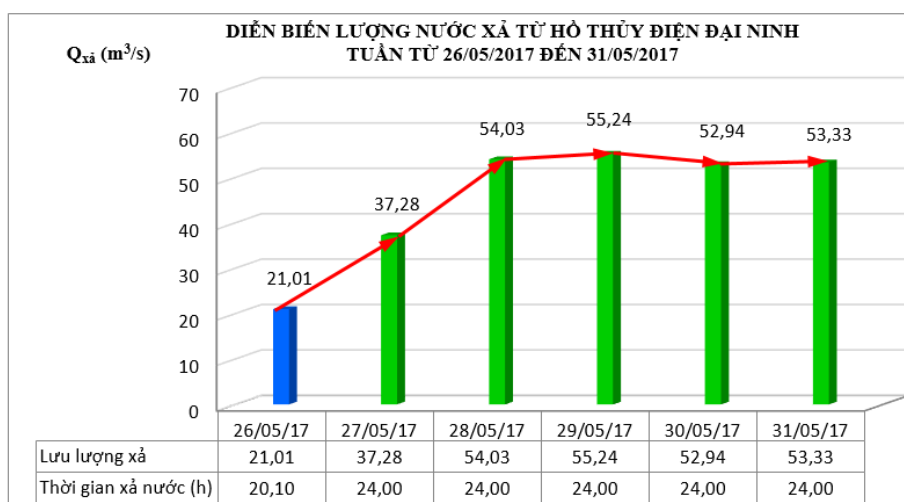
các hồ có sự thay đổi, về tổng thể chung thì tăng tuy nhiên có 2 hồ dung tích giảm nhẹ so với đầu tuần như hồ Sông Móng và hồ Núi Đất. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là đập Sông Phan với tỉ lệ là 18,74% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Cà Giây với 105,13% dung tích thiết kế. Hiện tại 2 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Cà Giây và hồ Lòng Sông tính đến thời điểm hiện nay còn khá nhiều nước (Dung tích hiện tại lớn hơn 80% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 01/06/2017

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10^6 m^3)						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	4,585	4,87	9,718	0,392	4,478	4,193	93,64%
2	Lòng Sông	32,898	37,16	40,271	3,464	33,696	29,434	87,35%
3	Cà Giây	38,384	36,921	63,209	8,409	28,512	29,975	105,13%
4	Sông Khán	1,385	2,014	2,52	0,261	1,753	1,124	64,12%
5	Sông Quao	37,858	73	80	5,7	67,3	32,158	47,78%
6	Suối Đá	5,578	9,131	12,786	1,273	7,858	4,305	54,78%
7	Cấm Hang	0,926	1,18	1,215	0,013	1,167	0,913	78,23%
8	Sông Móng	14,279	37,156	51,515	2,985	34,171	11,294	33,05%
9	Ba Bàu	6,585	6,938	11,403	0,964	5,974	5,621	94,09%
10	Đu Đủ	3,416	3,664	5,217	0,297	3,367	3,119	92,63%
11	Tân Lập	1,115	1,07	1,52	0,07	1	1,045	104,50%
12	Tà Mon	0,369	0,657	0,72	0,05	0,607	0,319	52,55%
13	Núi Đất	2,852	8,466	9,648	0,566	7,9	2,286	28,94%
14	Trà Tân	1,698	3,888	8,333	0,403	3,485	1,295	37,16%
15	Sông Phan	0,706	3,022	3,579	0,172	2,85	0,534	18,74%
16	Phan Dũng	6,978	13,674	18,925	1,233	12,441	5,745	46,18%
Tổng Cộng		159,612	242,811	320,579	26,252	216,559	133,360	61,58%

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 01/06/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 180,98 triệu m^3 /251,7 triệu m^3 , đạt 71,89 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 30,55 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 26/05/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 26/05/2017 đến 31/05/2017

Tính đến ngày 01/06/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 276,19 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 52,86 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 19,18 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 26/05/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 01/06/2017

Stt	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³)						Tỷ lệ dung tích hiện tại
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	249,021	319,770	549,820	68,040	251,730	180,981	71,89%
2	<u>Hàm Thuận</u>	448,924	695,230	976,650	172,730	522,500	276,194	52,86%
Tổng Cộng		697,946	1.015,000	1,526,470	240,770	774,230	457,176	59,05%

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 06/2017	Dự báo KTTV tuần 1 - tháng 06/2017
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Thời kỳ nửa đầu tháng: mây thay đổi, đêm và chiều tối có mưa dông nhiệt vài nơi, ngày nắng; thời kỳ nửa cuối tháng: mây thay đổi đến nhiều mây, đêm và chiều tối có mưa rào và dông rải rác; lượng mưa tăng dần vào cuối tháng; ngày nắng gián đoạn. Dự báo lượng mưa tháng 5/2017 phổ biến từ 120 - 150mm, vùng núi : 200 - 250mm, đạt xấp xỉ và dưới</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết thời kỳ đầu và cuối tuần: trời mây thay đổi đến nhiều mây, có mưa rào rải rác, có nơi có dông; thời kỳ giữa tuần trời nhiều mây, có mưa rào và dông rải rác, có nơi mưa vừa; ngày nắng gián đoạn. Dự báo lượng mưa phổ biến: 50 – 75mm có nơi 75 - 100mm; vùng núi: 100 - 150mm đạt xấp xỉ và có</p>

TBNN - CTK; với 12 - 15 ngày mưa.
 - Tổng lượng bốc hơi: 110 - 130mm. Riêng phía bắc: 150-170mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,90m; Hmax = 118,50m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,35m; Hmax = 24,70m; Hmin = 23,00m.

nơi trên TBNN, với khoảng 6 - 8 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 40 - 50mm. Phía bắc là 50-60 mm.

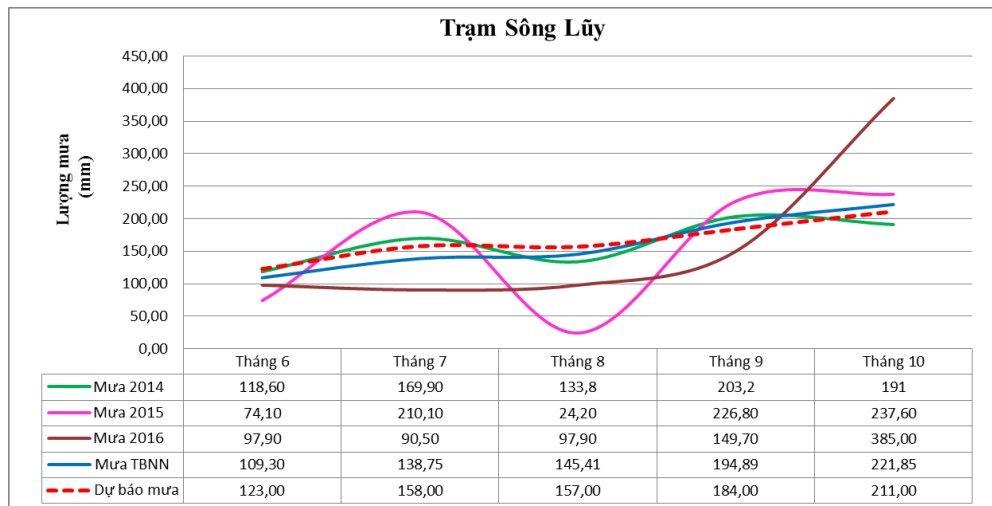
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb=117,00m; Hmax = 118,50m; Hmin = 116,00m.

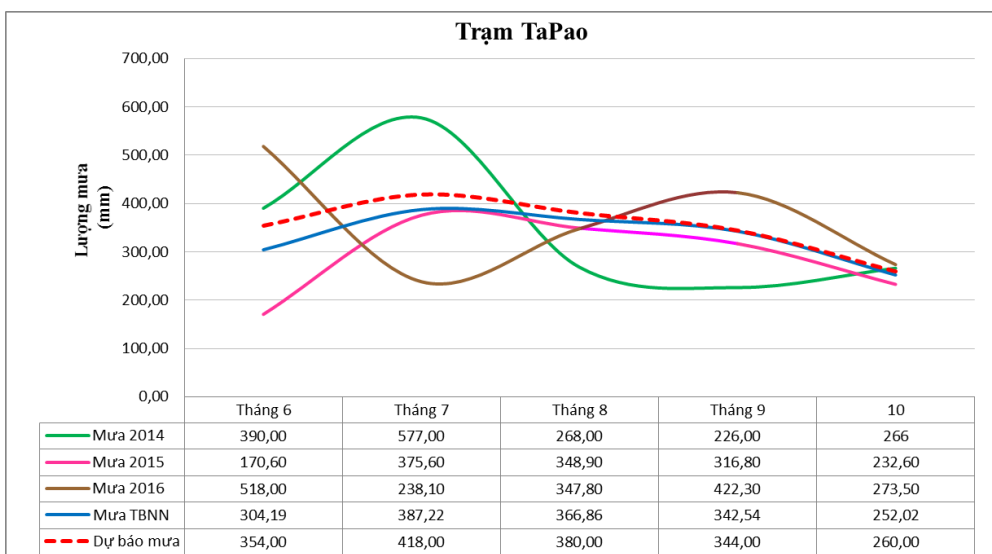
+ Sông Lũy: Htb = 24,20m; Hmax = 26,00m; Hmin = 23,40m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Hè Thu tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Hè Thu tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 6 đến tháng 8) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Hè Thu năm 2017 ($10^6 m^3$)			
		Tháng 6 ($10^6 m^3$)	Tháng 7 ($10^6 m^3$)	Tháng 8 ($10^6 m^3$)	Tổng cộng ($10^6 m^3$)
1	Hồ Đá Bạc	0,441	0,455	0,505	1,401
2	Hồ Phan Dũng	2,251	2,065	3,935	8,251
3	Hồ Lòng Sông	0,701	1,765	6,615	9,081
4	Đập Sông Lũy	22,858	36,106	43,256	102,220
5	Hồ Cà Giây	4,798	3,326	6,566	14,690
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	41,788	22,506	32,386	96,680
7	Hồ Sông Quao	28,775	35,058	47,838	111,671
8	Hồ Suối Đá	2,078	1,556	2,736	6,370
9	Hồ Sông Khán	2,025	1,718	2,518	6,261
10	Hồ Cà Giang	2,225	1,588	1,338	5,151
11	Hồ Cẩm Hàng	1,168	1,256	1,416	3,840
12	Hồ Sông Móng	3,888	3,676	7,746	15,310
13	Đập Ba Bàu	8,058	6,916	14,466	29,440
14	Hồ Đu Đủ	1,118	1,446	1,366	3,930
15	Đập Sông Phan	12,678	13,396	15,266	41,340
16	Hồ Tân Lập	1,038	2,736	1,906	5,680
17	Hồ Tà Mon	1,508	1,516	4,156	7,180
18	Hồ Núi Đất	1,768	1,784	4,424	7,975
19	Hồ Sông Dinh	24,808	54,534	85,094	164,435
20	Đập Cô Kiều	1,558	1,584	3,694	6,835
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	158,553	159,958	214,108	532,619
22	Hồ Trà Tân	3,211	3,265	5,255	11,730
Tổng cộng					1192,086

Dự kiến lượng nước xả vụ Hè Thu của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng ($10^6 m^3$)
Đại Ninh	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	14	15	14	113,96
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	13	14	13	
Hàm Thuận - Đa Mi	Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s)	32	25	16	192,76
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	16	14	11	

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Hè Thu từ tháng 06/2017 đến tháng 08/2017 là 304,99 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2017

TT	LV Sông, hồ	Vụ Hè Thu 2017							
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³)			
		Lúa	Cây màu (Ngô, đậu, mè,..)	Thanh Long	Thủy sản	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng
Tổng cộng		33.480,00	39.851,00	14.736,00	497,00	147,01	102,63	55,35	304,99
1	Hồ Đá Bạc	271,37	78,66	54	-	1,33	0,75	0,53	2,61
2	Hồ Phan Dũng	123,99	157,31	108	-	1,03	0,52	0,37	1,91
3	Hồ Lòng Sông	3.061,65	284,03	195	79,00	9,11	3,77	1,46	14,34
4	Đập Sông Lũy	6.321,78	4.047,83	294	-	23,93	17,10	2,80	43,83
5	Hồ Cà Giây	1.397,40	5.452,17	396	-	14,43	5,07	1,01	20,51
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1.017,82	3.800	276	-	11,32	4,83	1,91	18,06
7	Hồ Sông Quao	6.369,05	3.267,35	6.622,06	-	30,56	27,44	14,30	72,30
8	Hồ Suối Đá	234,96	231,88	469,95	-	1,03	0,86	0,30	2,19
9	Hồ Sông Khán	73,99	16,78	34	-	0,21	0,18	0,04	0,43
10	Hồ Sông Móng	-	212,69	177,27	-	0,41	0,51	0,40	1,32
11	Đập Ba Bàu	725,16	4.349,28	3.625,10	-	7,97	10,32	6,85	25,14
12	Hồ Đu Đủ	96,84	1.180,13	983,63	-	2,03	2,63	1,83	6,49
13	Đập Sông Phan	1	722,66	602,33	-	1,06	0,71	0,62	2,39
14	Hồ Tân Lập	0,00	566,07	471,82	-	0,73	0,45	0,38	1,56
15	Hồ Tà Mon	0,00	164,18	136,84	-	0,21	0,13	0,11	0,45
16	Hồ Núi Đất	430	575	226	-	1,21	1,20	0,56	2,97
17	Hồ Sông Dinh	417	10.170	64	-	1,46	1,65	1,03	4,14
18	Đập Cô Kiều	40	-	-	-	0,09	0,11	0,05	0,24
19	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	12.798,85	3.200	-	418,00	36,69	23,32	20,81	80,82
20	Hồ Trà Tân	99,15	1.375	-	-	2,21	1,08	-	3,29

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU NĂM 2017

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 02/06/2017 đến 08/06/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/06/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích hữu ích tăng lên mức 139,91 triệu m³ (chiếm 64,61% so với dung tích thiết kế), tăng 6,55 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 01/06/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/06/2017

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$)	Nguồn nước hiện tại -01/06/2017			Dự kiến nguồn nước đến 08/06/2017		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 01/06/2017 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$)	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 08/06/2017 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	30,80	4,193	93,64%	31,16	▲ 4,691	104,76%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	75,09	29,434	87,35%	75,57	▲ 30,513	90,55%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	75,00	29,975	105,13%	75,11	▲ 30,828	108,12%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	105,52	1,124	64,12%	106,01	▲ 1,314	74,93%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	82,26	32,158	47,78%	82,49	▲ 33,137	49,24%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	45,75	4,305	54,78%	45,87	▲ 4,562	58,06%
7	Hồ Cẩm Hang	25	1,167	24,52	0,913	78,23%	24,95	▲ 1,141	97,73%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	70,37	11,294	33,05%	70,34	▼ 11,199	32,77%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	41,87	5,621	94,09%	42,08	▲ 6,272	104,99%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	60,77	3,119	92,63%	60,81	▲ 3,162	93,91%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,10	1,045	104,50%	44,10	■ 1,045	104,50%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	44,96	0,319	52,55%	45,18	▲ 0,358	59,03%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	20,03	2,286	28,94%	20,01	▼ 2,262	28,63%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	93,90	1,295	37,16%	94,29	▲ 2,018	57,91%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	64,00	0,534	18,74%	64,54	▲ 0,683	23,95%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	202,80	5,745	46,18%	203,48	▲ 6,727	54,07%
	Tổng		216,559		133,36	61,58%		139,91	64,61%

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu đã tính ở trên, dự báo từ ngày 08/06 - 31/08/2017 sẽ có:

- + 17/19 hồ/đập thủy lợi có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy;
- + 2/19 hồ/đập còn lại trên địa bàn tỉnh cũng đáp ứng phần lớn diện tích tưới: hồ Núi Đất (đáp ứng 91,17% nhu cầu nước nông nghiệp), hồ Đu Đủ (đáp ứng 93,25% nhu cầu nước nông nghiệp).

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Hè Thu 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2017

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu					Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2017
		Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$)				Tổng	
		Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tổng		
1	Hồ Đá Bạc	0	0	0	0	100%	

2	Hồ Phan Dũng	0	0	0	0	100%
3	Hồ Lòng Sông	0	0	0	0	100%
4	Đập Sông Lũy	0	0	0	0	100%
5	Hồ Cà Giây	0	0	0	0	100%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	0	0	0	100%
7	Hồ Sông Quao	0	0	0	0	100%
8	Hồ Suối Đá	0	0	0	0	100%
9	Hồ Sông Khán	0	0	0	0	100%
10	Hồ Sông Móng	0	0	0	0	100%
11	Đập Ba Bàu	0	0	0	0	100%
12	Hồ Đu Đủ	0	0,168	0,275	0,443	93,25%
13	Đập Sông Phan	0	0	0	0	100%
14	Hồ Tân Lập	0	0	0	0	100%
15	Hồ Tà Mon	0	0	0	0	100%
16	Hồ Núi Đất	0,182	0,078	0	0,26	91,17%
17	Hồ Sông Dinh	0	0	0	0	100%
18	Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao)	0	0	0	0	100%
19	Hồ Trà Tân	0	0	0	0	100%
Tổng					0,703	

Kết luận - Kiến nghị:

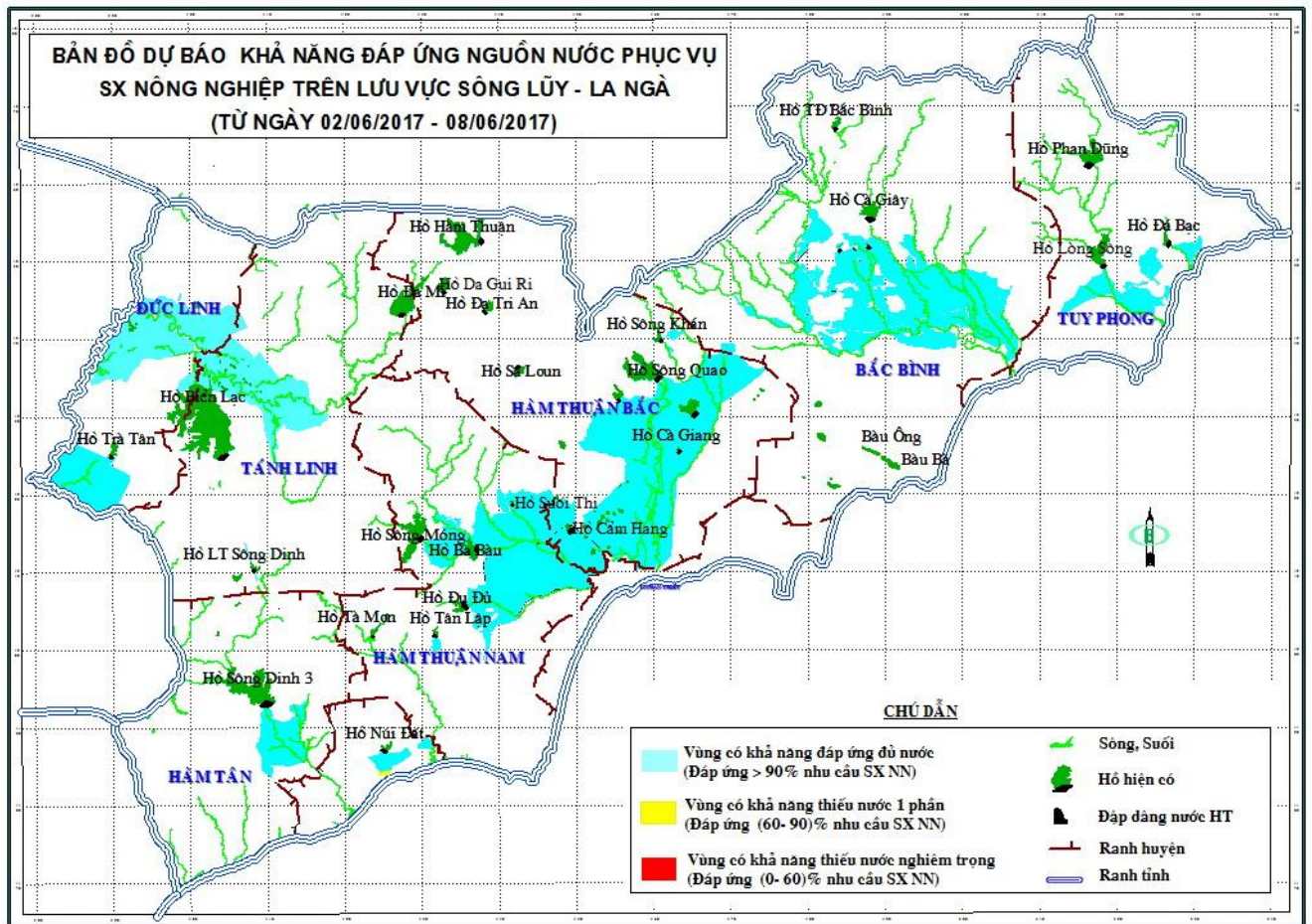
Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Hè Thu; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 08/06/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có khoảng 139,91 triệu m³ (chiếm 64,61% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 02/06/2017 đến ngày 08/06/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 08/06/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 30,51 triệu m³, hồ Phan Dũng có 6,73 triệu m³, hồ Đá Bạc 4,69 triệu m³: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Cà Giây có 30,83 triệu m³, hồ Sông Quao có 33,14 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Móng có 11,2 triệu m³, đập Ba Bàu có 6,27 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,36 triệu m³, hồ Đu Đủ có 3,16 triệu m³, hồ Tân Lập có 1,04 triệu m³, hồ Núi Đất có

2,26 triệu m³, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cạn vụ Hè Thu;

- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lũy – La Ngà tỉnh Bình Thuận từ ngày 02/06/2017 đến ngày 08/06/2017

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 01/06/2017

(Lưu ý: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong các tuần kế tiếp. Để phục vụ kịp thời, chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất vụ Hè Thu, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi (Vụ Quản lý Công trình và ATĐ) để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình nguồn nước, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.